

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Phạm Minh	Châu	22/05/1996	34	
2	Thạch Minh	Chiến	16/04/1988	31	
3	Ngô Trường	Dũng	09/06/1978	31	
4	Nguyễn Ngọc	Hân	19/12/1981	31	
5	Huỳnh Thị	Huệ	26/02/1982	30	
6	Nguyễn Thanh	Huy	16/06/1999	34	
7	Nguyễn Thị Ánh	Lê	12/10/1984	32	
8	Đinh Hữu	Lễ	30/05/1982	31	
9	Lại Văn	Loan	05/10/1982	29	
10	Nguyễn Thiên	Lộc	20/04/1997	31	
11	Hồ Thị	Nga	20/11/1993	29	
12	Phạm Võ Phi	Phụng	10/04/1982	28	
13	Nguyễn Hoa Ngân	Phượng	19/11/1985	31	
14	Huỳnh Thái	Son	14/02/1984	31	
15	Trần Văn	Thuận	10/05/1981	30	
16	Nguyễn Anh	Thy	18/11/1987	34	
17	Võ Thị Mỹ	Tiên	27/11/1983	31	
18	Nguyễn Hoàng	Triệu	02/08/1988	32	
19	Trần Minh	Trung	01/01/1985	30	
20	Bùi Phạm Kim	Tuyền	17/07/1996	32	
21	Võ Thị Bích	Tuyền	07/02/1989	33	
22	Nguyễn Xuân	Anh	08/10/1998	34	
23	Nguyễn Văn	Bạc	13/02/1992	29	
24	Đinh Thị	Bích	05/09/1981	31	
25	Đặng Xuân	Căn	28/01/1987	32	
26	Nguyễn Thị Băng	Châu	24/01/1997	29	
27	Lê Thị Kiều	Diễm	26/03/1984	31	
28	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	09/02/1996	31	
29	Nguyễn Thị	Dung	24/12/1977	30	
30	Nguyễn Văn	Duy	27/11/1992	31	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
31	Nguyễn Thị Hồng Đào	09/03/1996	32	
32	Nguyễn Thái Hà	03/06/1978	30	
33	Nguyễn Thị Hà	02/10/1991	32	
34	Nguyễn Đức Hải	18/03/1994	31	
35	Dương Thị Mỹ Hạnh	25/08/1981	31	
36	Vũ Thị Hồng	25/06/1987	32	
37	Nguyễn Thị Thanh Hương	10/11/1991	31	
38	Phạm Ngọc Huy	12/08/1995	32	
39	Nguyễn Tiến Huy	08/02/1988	33	
40	Nguyễn Thị Huyền	08/10/1971	32	
41	Mai Lệ Huyền	31/01/1982	21	
42	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09/04/1981	31	
43	Huỳnh Thanh Khoa	06/11/1987	32	
44	Nguyễn Thành Kiên	21/07/1979	32	
45	Nguyễn Hoàng Lâm	27/09/2001	34	
46	Nguyễn Thị Lành	05/12/1983	31	
47	Lương Thọ Lập	29/09/1993	33	
48	Lê Nhật Linh	26/04/1999	33	
49	Nguyễn Thị Ngọc Linh	01/10/1996	33	
50	Lý Thị Mỹ Linh	14/08/1999	32	
51	Lê Văn Minh	29/04/1985	32	
52	Đinh Huỳnh Thanh Ngân	14/09/1985	31	
53	Nguyễn Việt Nhật	24/02/1999	23	
54	Nguyễn Thị Hồng Nhon	30/09/1986	29	
55	Phan Thị Quỳnh Như	10/10/1997	32	
56	Lê Nguyễn Nam Phương	22/06/1991	30	
57	Lê Phạm Huyền Phương	24/12/1993	30	
58	Nguyễn Thanh Tâm	27/11/1975	31	
59	Phạm Ngọc Như Tâm	22/04/1984	31	
60	Võ Bá Hoàng Tân	28/09/1996	30	
61	Phan Văn Thái	06/02/1969	28	
62	Phạm Thị Thiên Thanh	27/01/1989	31	
63	Đặng Thu Thảo	20/03/1995	30	
64	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/08/1998	31	
65	Phạm Thị Thi	24/11/1989	33	
66	Đinh Đức Thịnh	14/09/1982	30	
67	Đặng Thị Thúy	25/03/1993	32	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
68	Nguyễn Thị Thanh Thúy	03/01/1981	32	
69	Nguyễn Thị Thanh Thúy	28/03/1982	33	
70	Nguyễn Hoàng Tiến	14/04/2000	30	
71	Ngô Thị Bích Trâm	13/02/1994	29	
72	Nguyễn Thị Mai Trâm	20/08/1977	29	
73	Nguyễn Thị Thảo Trang	20/11/1983	33	
74	Nguyễn Bá Triều	05/04/1988	31	
75	Hồ Văn Trọn	04/04/1981	30	
76	Võ Thị Cẩm Tú	16/06/1990	30	
77	Lại Thanh Tùng	15/03/1981	30	
78	Nguyễn Thanh Tùng	04/08/1978	33	
79	Huỳnh Thị Kim Tuyến	06/11/1997	32	
80	Đỗ Thị Tuyền	11/01/1991	30	
81	Trần Thị Ngọc Uyên	01/05/1987	31	
82	Đỗ Thị Vân	20/12/1985	30	
83	Nguyễn Huỳnh Hồng Vân	30/03/1990	31	
84	Nguyễn Thị Khánh Vân	08/11/1979	30	
85	Nguyễn Đăng Bảo Vân	31/07/1984	30	
86	Đào Văn Vàng	09/11/1992	31	
87	Đinh Thị Thúy Vy	04/10/1990	33	
88	Mai Thúy Vy	17/09/1989	31	
89	Trần Thị Lệ Xuân	07/03/1984	33	
90	Nguyễn Thị Hoàng Yến	10/12/1983	30	
91	Đỗ Khắc Gióoc	27/01/1991	31	
92	Ô Ngọc Hân	03/12/1982	30	
93	Nguyễn Ngọc Hậu	02/11/1979	32	
94	Phạm Thị Ngọc Hậu	28/01/1991	31	
95	Dương Thị Hồng	20/04/1990	31	
96	Lê Châu Anh Khoa	25/06/2000	34	
97	Phạm Thị Kiểm	02/09/1980	29	
98	Nguyễn Đình Lài	22/07/1981	30	
99	Nguyễn Hồng Lan	12/04/1994	31	
100	Nguyễn Thị Út Nhỏ	14/10/1989	35	
101	Lê Thị Hồng Nhung	28/09/1994	33	
102	Nguyễn Thị Kim Nhung	12/10/1978	31	
103	Phòng Thị Kim Oanh	26/01/1985	31	
104	Nguyễn Thị Ngọc Phương	01/11/1990	31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
105	Nguyễn Thị Phụng	18/10/1993	32	
106	Nguyễn Thị Hồng Sang	02/08/1986	31	
107	Lê Trọng Tâm	20/11/1991	30	
108	Lê Việt Thắng	09/10/1991	31	
109	Huỳnh Thị Hồng Thanh	24/10/1982	30	
110	Nguyễn Thị Kim Thảo	22/04/1990	31	
111	Nguyễn Thị Thoa	20/08/1986	30	
112	Nguyễn Thị Thu	07/01/1987	32	
113	Đoàn Lưu Anh Thư	08/08/1994	30	
114	Lê Minh Thuý	08/10/1982	23	
115	Nguyễn Thị Minh Thuyền	14/09/1990	33	
116	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	04/02/1998	31	
117	Tô Thị Thanh Trúc	01/06/1984	30	
118	Phùng Quốc Tuấn	19/06/1987	31	
119	Nguyễn Thị Du Uyên	11/05/1975	32	
120	Huỳnh Ngọc Cấn	04/01/1978	32	
121	Nguyễn Thị Cương	01/01/1988	30	
122	Trần Thị Phương Diễm	25/12/1990	30	
123	Nguyễn Hồng Diệu	20/06/1995	29	
124	Đỗ Ngọc Dự	03/11/1989	31	
125	Nguyễn Quốc Dũng	19/10/1981	29	
126	Huỳnh Trần Hoàng Duy	25/01/1985	27	
127	Nguyễn Minh Duy	12/10/1984	31	
128	Nguyễn Tấn Đạt	25/04/1996	31	
129	Nguyễn Thanh Điều	02/08/1988	32	
130	Trà Thị Gọn	01/01/1985	31	
131	Cao Thị Mười Hai	15/06/1982	32	
132	Thái Phước Hậu	18/11/1981	30	
133	Ngô Thị Lệ Hiền	08/04/1981	31	
134	Phạm Thị Ngọc Huyền	05/02/1992	31	
135	Trần Minh Khiết	16/11/1978	30	
136	Trần Minh Khương	01/01/1983	31	
137	Nguyễn Thị Khuyến	10/12/1989	32	
138	Lê Thanh Lâm	01/10/1991	29	
139	Nguyễn Văn Lên	05/07/1979	31	
140	Huỳnh Thị Cẩm Loan	07/10/1984	31	
141	Phạm Thị Luyến	19/11/1979	31	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
142	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	30/01/1980	31	
143	Lê Thị Hồng	Ngoan	02/04/1986	31	
144	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	25/03/1981	31	
145	Trần Thị Thanh	Ngọt	18/05/1990	31	
146	Nguyễn Thị Diễm	Phuong	06/03/1992	35	
147	Phan Văn	Quyền	27/08/1986	32	
148	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14/03/1985	30	
149	Phan Hoàng	Tâm	16/09/1979	30	
150	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh	21/03/1989	31	
151	Nguyễn Thị	Thảo	19/09/1985	31	
152	Trần Thị Thu	Thảo	23/08/1977	30	
153	Trần Trung	Thật	01/01/1982	31	
154	Trần Minh	Thiện	21/10/1987	31	
155	Nguyễn Thị Kim	Thoại	25/07/1990	31	
156	Đoàn Văn	Thôn	04/12/1979	32	
157	Nguyễn Trần Hoài	Thương	11/08/1981	31	
158	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	20/10/1983	30	
159	Phan Thị Bích	Thủy	07/02/1986	30	
160	Đoàn Anh	Trà	06/01/1983	31	
161	Mai Thị Huỳnh	Trâm	15/11/1987	30	
162	Nguyễn Thị Hồng	Trang	12/11/1990	32	
163	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/12/1989	30	
164	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/02/1981	34	
165	Đinh Ngọc	Trình	09/08/1986	34	
166	Nguyễn Hữu	Trường	27/04/1981	30	
167	Bùi Thị Cẩm	Tú	21/11/1986	31	
168	Nguyễn Thanh	Tươi	29/08/1978	31	
169	Lê Thị Diễm	Tuyết	28/04/1985	31	
170	Phạm Thị	Volgim	26/01/1982	30	
171	Dương Trung	Xuân	15/06/1987	30	
172	Lê Thanh	Xuân	06/05/1979	32	
173	Nguyễn Thế	Anh	23/08/1990	31	
174	Trần Thị Trang	Châu	17/12/1979	30	
175	Lê Ngọc	Đạt	22/05/1983	31	
176	Trương Thị Phương	Hạ	22/07/1987	32	
177	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	30/01/1981	30	
178	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	10/11/1981	33	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
179	Nguyễn Hoàng Kim	Hiếu	02/03/1982	31	
180	Nguyễn Văn	Khoa	20/12/1981	30	
181	Lê Thị Triệu	Nguyên	29/08/1991	30	
182	Trần Thanh	Nhàn	10/12/1989	33	
183	Huỳnh Thị Hồng	Nhệ	03/09/1987	31	
184	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	10/01/1981	29	
185	Phạm Thị Hoàng	Oanh	05/09/1986	32	
186	Nguyễn Văn	Ơi	01/10/1987	29	
187	Phạm Thị	Phụng	25/01/1987	32	
188	Nguyễn Thị	Sen	26/10/1990	33	
189	Nguyễn Thị Kim	Thanh	25/04/1979	32	
190	Võ Thị Ngọc	Thương	21/12/1986	30	
191	Nguyễn Ngọc	Trang	04/05/1977	33	
192	Phan Mai	Trình	07/10/1989	31	
193	Võ Hồng	Vân	01/03/1989	31	
194	Nguyễn Hoàng	Vinh	12/11/1980	30	
195	Hồ Quốc	Vũ	25/08/1994	31	
196	Nguyễn Thành	Vượng	06/12/1981	29	
197	Đoàn Thị Thu	Diễm	12/05/1981	30	
198	Phạm Thị Thu	Diệu	20/04/1982	31	
199	Nguyễn Khắc Trần Quang Anh	Đô	10/07/1993	31	
200	Cù Thị	Lài	16/02/1990	31	
201	Bồ Thị Ngọc	Linh	01/02/1986	29	
202	Trần Văn	Lĩnh	25/09/1988	32	
203	Nguyễn Ngọc	Phi	27/12/1982	33	
204	Nguyễn Hoàng	Phúc	13/01/1995	30	
205	Lâm Trúc	Phương	20/06/1980	31	
206	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/09/1988	31	
207	Nguyễn Thị Kim	Thành	04/04/1982	30	
208	Đinh Thị Như	Thúy	03/03/1988	29	
209	Trần Thụy Bảo	Trân	28/03/1984	31	
210	Vương Trần Huyền	Trân	17/04/1987	31	
211	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/07/1995	30	
212	Phan Ngọc	Tuyết	08/12/1979	29	
213	Dương Thị Hồng	Yến	10/07/1982	31	
214	Trần Thị Thu	Yến	22/12/1987	30	
215	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/09/1997	31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
216	Trương Thị Nguyệt	Ảnh	20/02/1995	29
217	Nguyễn Trần Ngọc	Bích	17/02/1992	30
218	Nguyễn Thị Ái	Hiền	30/09/1987	31
219	Trần Thị Thu	Hiền	03/11/1981	30
220	Lê Thị Kim	Hoa	05/09/1991	32
221	Nguyễn Thị Bích	Liên	18/09/1989	30
222	Nguyễn Thuỳ	Linh	11/01/1985	30
223	Trần Thị Kim	Loan	09/12/1986	31
224	Phạm Thị Nhật	Minh	02/01/1990	32
225	Cao Thị	Nam	24/02/1985	31
226	Dương Thị	Nguyễn	29/08/1987	33
227	Lê Thị Như	Quỳnh	06/06/2000	32
228	Lê Thị	Thắm	20/03/1994	31
229	Nguyễn Minh	Trang	19/08/1992	33
230	Lê Chí	Trung	30/11/1995	24
231	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/10/1986	31
Danh sách này gồm có 231 (hai trăm ba mươi một) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hồ Văn Thống
HIỆU TRƯỞNG

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025**

Ngành: Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Thạch Long	Duyên	03/02/1984	31	
2	Trương Thị	Đường	29/07/1987	29	
3	Nguyễn Lê Diễm	Hương	01/01/1984	23	
4	Lê Thị	Len	16/10/1984	29	
5	Vũ Thị	Lương	25/03/1993	29	
6	Danh Kim	Pha	20/07/1984	29	
7	Trần Thị Thanh	Tâm	22/04/1995	31	
8	Phạm Thị	Tân	27/08/1986	31	
9	Mai Quỳnh Phương	Thảo	18/09/2000	22	
10	Đặng Thị Ngọc	Trân	01/11/1979	29	
11	Phạm Thị Cẩm	Tú	23/10/1983	26	
12	Hồ Quốc	Tuấn	03/04/1981	29	
13	Nguyễn Hoàng Ngọc	Uyên	14/10/2000	31	
14	Phan Thị Xuân	Anh	10/10/1988	33	
15	Mai Thị Ngọc	Ánh	31/08/1988	32	
16	Trần Thị	Ánh	10/10/1985	27	
17	Nguyễn Nhựt	Chiến	28/02/1993	33	
18	Hoàng Như	Hảo	24/09/1997	32	
19	Lỗ Thị Thu	Hương	03/05/1994	30	
20	Trần Thanh	Lan	03/12/1990	30	
21	Đinh Hà	Mi	15/11/1988	31	
22	Phan Thị Ánh	Nga	25/02/2000	30	
23	Tạ Quỳnh	Như	03/07/1997	33	
24	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/04/1988	35	
25	Hồ Thị Kim	Phụng	20/02/1992	28	
26	Đoàn Thị Thanh	Thảo	11/11/1974	32	
27	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/01/1984	31	
28	Trần Thị Thanh	Thúy	25/08/1992	33	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
29	Hà Thị Phương	Thủy	06/04/1986	30	
30	Cao Thị Thanh	Thủy	17/01/1977	34	
31	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	17/03/1999	33	
32	Hồ Thị	An	26/11/1997	28	
33	Nguyễn Hoàng	Anh	26/03/1993	30	
34	Vũ Hoàng Kim	Anh	18/08/1990	31	
35	Tạ Thị Lan	Anh	15/01/1990	34	
36	Lê Thị	Bón	10/02/1995	34	
37	Nguyễn Thị Mai	Chi	12/24/1984	29	
38	Lê Ngọc	Diệp	05/10/1991	32	
39	Trần Thị Cẩm	Duyên	17/04/1992	21	
40	Hồ Lê Anh	Đào	9/19/2000	34	
41	Mai Thị	Đông	29/11/1984	31	
42	Nguyễn Hồ	Điệp	20/04/1997	33	
43	Lê Thị	Hà	20/11/1993	30	
44	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/01/1978	25	
45	Cao Thị Xuân	Hằng	12/02/2002	31	
46	Lương Huệ	Hằng	23/03/1993	28	
47	Huỳnh Kim	Hạnh	20/12/1989	26	
48	Đặng Thị	Hồng	04/04/1991	28	
49	Vũ Thị	Huệ	31/12/1990	30	
50	Lê Dương Thanh	Hương	20/03/1990	25	
51	Phạm Thị	Huyền	01/10/1988	27	
52	Lê Thị	Kiều	09/02/1995	34	
53	Nguyễn Thị Hồng	Loan	09/03/1993	30	
54	Nguyễn Thị Thanh	Loan	22/06/1990	30	
55	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22/01/1990	30	
56	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	20/02/1980	29	
57	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/07/1989	34	
58	Trần Thị Ngọc	Na	07/06/1991	30	
59	Trần Thị Hồng	Nga	20/06/1982	29	
60	Lê Thị	Ngọc	20/11/1993	33	
61	Trần Mỹ	Ngọc	22/02/1993	33	
62	Vũ Thị Ánh	Ngọc	12/11/1992	30	
63	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/08/1990	33	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
64	Bùi Thị Nguyệt	19/05/1990	31	
65	Lê Thị Oanh	10/05/1993	32	
66	Nguyễn Thị Phương	05/06/1991	29	
67	Nguyễn Thị Tâm	12/05/1988	28	
68	Nguyễn Thị Thắm	10/03/1989	34	
69	Đinh Dương Thắng	29/09/1997	30	
70	Cao Thị Phương Thảo	20/08/1998	30	
71	Huỳnh Thị Thanh Thảo	21/04/1994	29	
72	Nguyễn Minh Thiện	03/12/1993	31	
73	Châu Văn Thịnh	12/11/1995	30	
74	Võ Thị Kim Thoa	16/06/1991	33	
75	Phan Thị Anh Thư	25/07/1979	27	
76	Phạm Thị Hồng Thuần	08/09/1991	33	
77	Nguyễn Thanh Thùy	25/10/1998	31	
78	Nguyễn Thị Phương Thùy	15/04/1983	29	
79	Trịnh Thị Thủy	08/10/1987	28	
80	Hồ Thị Thu Thủy	20/11/1989	28	
81	Nguyễn Thị Thanh Thủy	08/10/1983	30	
82	Lê Thị Trang	30/09/1992	32	
83	Võ Thủy Trang	10/01/1980	28	
84	Nguyễn Thị Mỹ Trang	22/09/1988	30	
85	Phạm Thị Thu Trang	29/10/1997	33	
86	Đỗ Ngọc Trinh	04/11/1998	31	
87	Trần Cẩm Tú	12/10/1998	33	
88	Nguyễn Thị Tươi	05/06/1984	32	
89	Trương Thị Mộng Tuyền	20/08/1979	27	
90	Trần Bích Tuyền	11/05/1992	29	
91	Bùi Thị Tuyết	30/08/1996	33	
92	Đào Như Ý	04/12/1994	32	
93	Phạm Ngọc Ân	07/04/1991	27	
94	Nguyễn Thị Tuyết Anh	23/08/1992	28	
95	Nguyễn Phan Phương Anh	09/03/1993	28	
96	Chu Thị Bích	20/12/1986	32	
97	Văn Thị Thuý Diễm	20/09/1989	28	
98	Nguyễn Ngọc Dung	22/07/2001	32	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
99	Bùi Thị Thuý	Dương	05/07/1993	28	
100	Phan Thuý	Dương	09/02/2003	32	
101	Châu Ngọc	Đào	14/10/2002	31	
102	Phạm Thị Anh	Đào	16/11/1995	31	
103	Âu Thị Thu	Hà	16/04/1990	28	
104	Trương Thị Ngọc	Hân	31/07/1995	32	
105	Nguyễn Thị Phụng	Hằng	26/06/1993	28	
106	Nguyễn Thị Kim	Hằng	20/11/1989	27	
107	Giáp Thị Mỹ	Hậu	5/25/1992	28	
108	Nguyễn Thu	Hiền	15/07/1999	30	
109	Từ Minh	Hiền	01/05/2002	30	
110	Phạm Ngọc	Hiệp	10/06/1993	31	
111	Lê Kim	Hoa	10/10/1997	30	
112	Đào Thị	Hồng	03/11/1997	32	
113	Nguyễn Thị Kim	Hồng	29/03/1991	31	
114	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	05/07/1975	30	
115	Đỗ Thị Kim	Hương	18/12/1996	32	
116	Trương Thị Thanh	Huyền	02/01/1998	34	
117	Trần Thiện	Khiêm	13/04/1990	32	
118	Đỗ Thị Thanh	Kim	08/02/1992	30	
119	Nguyễn Thị Trúc	Lan	21/03/1993	31	
120	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	26/09/1991	29	
121	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	15/10/1985	30	
122	Nguyễn Thị Phương	Minh	12/05/1993	29	
123	Đặng Tú	Mỹ	19/05/1993	30	
124	Hồ Thị	Nga	28/09/1994	31	
125	Nguyễn Thị	Ngọc	07/09/1999	31	
126	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	30/07/1991	31	
127	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/11/1992	29	
128	Nguyễn Thị Lệ	Nguyên	14/09/1994	31	
129	Phạm Thảo	Nguyên	20/01/1992	30	
130	Lê Hồng	Nhung	20/12/1990	31	
131	Bồ Thị	Nương	21/05/1992	30	
132	Lương Thị	Phú	26/01/1992	30	
133	Phạm Thị Thanh	Phước	01/09/1988	32	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
134	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	08/04/1995	32	
135	Nguyễn Hồng Quyên	09/03/1990	32	
136	Đặng Thị Kim Quyền	30/08/1995	31	
137	Trần Thị Quỳnh	15/02/1995	29	
138	Nguyễn Thị Bảo Thanh	26/11/2001	31	
139	Hồ Thị Kim Thanh	07/08/2001	31	
140	Phạm Thị Kim Thảo	22/01/1999	30	
141	Nguyễn Thanh Thảo	12/12/1998	31	
142	Nguyễn Thị Mộng Thu	13/04/1981	28	
143	Lê Thị Kim Thuận	19/09/1989	29	
144	Đặng Thị Thương	23/09/1997	34	
145	Trần Thị Thanh Thương	31/10/1993	37	
146	Đặng Thị Thanh Thuý	15/09/1989	28	
147	Lê Thị Thu Thủy	26/07/1991	31	
148	Nguyễn Thanh Thủy	16/03/1995	32	
149	Trần Thị Thủy Tiên	12/06/1982	28	
150	Phan Thị Bích Trâm	20/07/1998	31	
151	Nguyễn Thị Bích Trâm	20/04/1992	29	
152	Lê Thị Nguyễn Trâm	08/07/1999	31	
153	Nguyễn Thị Thủy Trang	08/09/1996	30	
154	Trần Thị Thu Trang	14/05/1999	33	
155	Phan Phương Trinh	14/07/1998	32	
156	Đinh Thị Kiều Trinh	12/02/1994	28	
157	Hoàng Thị Trinh	04/01/1994	33	
158	Phạm Ngọc Trúc	03/03/1999	33	
159	Phùng Nguyễn Thanh Trúc	06/12/2001	31	
160	Đoàn Thị Cẩm Tú	23/01/1992	29	
161	Huỳnh Thị Bích Tuyền	18/08/1989	28	
162	Vương Tường Vân	27/04/1991	31	
163	Nguyễn Thị Tường Vy	19/03/1999	32	
164	Nguyễn Ngọc Yến	20/06/1991	29	
165	Lê Văn Bản	06/06/1994	30	
166	Hồ Kim Chi	17/07/2000	32	
167	Đặng Thị Kim Cương	04/08/1993	28	
168	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	15/06/1991	32	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
169	Phan Tố Hà	06/11/2000	32	
170	Phạm Thị Thuý Hằng	24/08/1992	28	
171	Huỳnh Thị Hò	06/03/1992	29	
172	Nguyễn Thị Huệ	10/10/1985	31	
173	Nguyễn Thị Diễm Hương	28/12/1992	28	
174	Nguyễn Thị Trúc Linh	17/08/1993	28	
175	Phạm Thị Trúc Ngân	02/01/1998	31	
176	Nguyễn Thị Thanh Ngân	04/08/1996	30	
177	Phạm Hiếu Nghĩa	06/11/2002	32	
178	Cao Thị Hồng Ngọc	29/08/1997	31	
179	Phan Thị Yến Nhi	10/02/1999	30	
180	Lê Thị Kiều Oanh	19/01/1995	33	
181	Võ Thành Phương	08/12/1991	32	
182	Trần Hồ Nhật Tâm	10/11/1999	30	
183	Nguyễn Phương Thảo	05/02/1991	27	
184	Tổng Thị Hồng Thắm	02/02/1992	32	
185	Từ Trang Thi	26/03/1997	34	
186	Võ Thị Ngọc Thiện	09/04/1992	37	
187	Lê Xuân Thư	17/03/2002	33	
188	Nguyễn Diễm Trinh	12/06/1989	29	
189	Trần Thị Kim Tuyền	12/10/1992	33	
190	Nguyễn Mộng Tuyền	26/02/1987	33	
191	Võ Tường Vy	28/01/2002	32	
192	Trần Phương Hải Yến	20/06/1990	30	
193	Lê Thị Ngọc An	16/02/2002	31	
194	Hồ Thị Trâm Anh	03/09/1994	30	
195	Nguyễn Kim Bích	17/04/1987	32	
196	Nguyễn Thị Trúc Chi	06/12/1989	31	
197	Phan Võ Thanh Danh	19/07/1996	31	
198	Phạm Thị Mỹ Dân	20/08/1990	29	
199	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1/16/1988	28	
200	Trần Ngọc Diễm	06/08/1988	33	
201	Mai Ngọc Diệu	09/11/1998	32	
202	Mai Phương Du	19/03/2002	34	
203	Bùi Thị Mỹ Dung	14/10/1987	32	

10
11
ST

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
204	Lương Thị Thuý Dung	18/04/1997	31	
205	Nguyễn Thị Kim Dung	16/07/1988	30	
206	Võ Thị Thuý Dương	20/10/1992	31	
207	Nguyễn Kim Duy	01/07/2003	32	
208	Đặng Thị Kim Duyên	07/04/2001	33	
209	Phùng Thị Mỹ Duyên	06/06/1996	30	
210	Võ Thị Bích Duyên	20/08/1997	33	
211	Bùi Thị Linh Đang	9/26/1997	36	
212	Phan Phú Điền	28/01/1990	21	
213	Trần Quang Đình	07/10/2000	30	
214	Lê Hữu Định	28/09/2000	35	
215	Nguyễn Văn Đô	10/12/1985	30	
216	Nguyễn Huỳnh Đức	02/01/1999	29	
217	Lê Bửu Giám	18/09/2002	32	
218	Nguyễn Đàm Bội Giao	07/05/1987	32	
219	Trần Thanh Giàu	10/10/1995	36	
220	Ngô Văn Gile	22/10/1984	30	
221	Châu Ngọc Thanh Hằng	08/07/1990	31	
222	Đỗ Thị Hạnh	13/11/1981	17	
223	Nguyễn Thị Ngọc Hào	05/11/1997	35	
224	Biện Thị Ánh Hoa	09/06/1996	31	
225	Nguyễn Thị Lệ Hoa	02/10/1990	28	
226	Huỳnh Thị Nguyệt Huế	28/09/2000	24	
227	Võ Văn Hùng	01/01/1981	30	
228	Lê Thị Tuyết Hương	30/07/2002	32	
229	Ông Thành Huy	24/02/1996	28	
230	Trần Thị Như Huỳnh	13/03/1998	21	
231	Trần Đình Khang	11/01/2001	33	
232	Đinh Thy Khoa	05/05/2002	31	
233	Nguyễn Thị Pha Lê	07/05/1998	33	
234	Phạm Thị Trúc Linh	08/09/2002	34	
235	Phan Thị Thiên Lý	29/09/1996	33	
236	Trần Thị Phương Mai	30/08/1984	31	
237	Trần Thị Tuyết Mai	20/01/1991	34	
238	Võ Hoàng Nhật Minh	18/11/2001	30	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
239	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/02/1999	29	
240	Phạm Thị Thanh Ngân	29/10/2001	31	
241	Tô Thị Bích Ngọc	07/09/1997	22	
242	Võ Lâm Mộng Ngọc	05/08/1996	34	
243	Lê Thị Huỳnh Như	13/10/1988	31	
244	Nguyễn Ngọc Hoàng Oanh	17/06/1994	33	
245	Đặng Diễm Phúc	6/21/2003	33	
246	Trần Thị Cẩm Phụng	8/22/2002	33	
247	Phạm Thị Quế Phương	04/03/1992	30	
248	Huỳnh Minh Phụng	31/10/2001	34	
249	Võ Thị Bích Quyên	06/08/1995	29	
250	Trần Đình Vĩnh Quyền	17/03/1997	32	
251	Trần Thành Sang	18/08/1996	31	
252	Nguyễn Hoàng Lúy Sin	30/12/1995	32	
253	Nguyễn Thái Sơn	23/01/1994	27	
254	Đặng Hữu Tài	08/05/1995	32	
255	Trần Thị Thanh Tâm	29/12/1996	26	
256	Trần Thị Thanh Tâm	24/11/1994	31	
257	Lê Phạm Phương Thảo	29/10/1990	31	
258	Nguyễn Thị Như Thảo	15/07/1982	20	
259	Đoàn Chí Thiện	01/01/1994	28	
260	Nguyễn Đức Thịnh	20/01/1993	33	
261	Đặng Thành Thơm	05/10/1982	29	
262	Huỳnh Thị Minh Thư	27/02/1992	30	
263	Nguyễn Thị Thương	06/07/1988	31	
264	Trần Thu Thủy	28/09/1978	32	
265	Lê Thị Kiều Tiên	01/01/1988	32	
266	Phan Thị Bùi Tiên	8/16/1994	28	
267	Lê Hồng Tiếng	20/09/1988	28	
268	Đinh Thị Ngọc Trâm	17/10/2002	34	
269	Dương Quỳnh Trâm	08/02/1994	34	
270	Châu Diễm Trân	31/05/2001	32	
271	Trần Nguyễn Ngọc Quế Trân	10/24/2002	32	
272	Huỳnh Thị Cẩm Tú	22/10/1989	31	
273	Nguyễn Kim Tuyền	03/03/2002	31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
274	Nguyễn Kim Tuyền	04/05/1991	27	
275	Nguyễn Thị Bích Tuyền	13/06/1985	31	
276	Châu Thị Bạch Tuyết	06/02/1998	34	
277	Huỳnh Thị Tú Uyên	12/01/1996	31	
278	Võ Ngọc Vạng	19/06/1998	33	
279	Trần Thị Vẹn	21/02/1995	34	
280	Nguyễn Tấn Vương	06/10/1997	33	
281	Trần Thoại Vy	17/11/2001	29	
282	Trương Thuý Vy	21/12/2001	31	
283	Nguyễn Thị Như Ý	06/03/2001	33	
Danh sách này gồm có 283 (hai trăm tám mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hồ Văn Thống
HIỆU TRƯỞNG

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	19/09/2001	32	
2	Nguyễn Thị Kim	Cương	18/04/1989	26	
3	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	12/02/1988	29	
4	Nguyễn Thị Huỳnh	Đào	29/11/1986	32	
5	Lê Thị Cẩm	Giang	29/07/1997	30	
6	Nguyễn Như	Hằng	20/06/1983	28	
7	Nguyễn Thị Thu	Hồng	24/09/1986	32	
8	Lê Thị Kim	Lan	14/11/1991	32	
9	Nguyễn Thị	Lê	19/07/1991	29	
10	Châu Thị Kim	Liên	22/08/1987	28	
11	Trần Thị Mỹ	Linh	04/08/1987	31	
12	Phạm Thuỳ	Linh	15/02/1995	30	
13	Lê Thị Kim	Loan	15/08/1985	30	
14	Nguyễn Thị Bích	Loan	23/04/2002	24	
15	Nguyễn Thị Trúc	Ly	11/06/1992	30	
16	Phạm Thị Kiều	My	24/11/1994	29	
17	Ngô Thị Thanh	My	01/09/1988	32	
18	Lê Thị Ngọc	Ngân	09/04/1993	30	
19	Trần Thị Bé	Ngân	03/08/1992	32	
20	Nguyễn Kim	Ngọc	18/07/1997	30	
21	Nguyễn Kim	Ngọc	3/29/1995	32	
22	Lê Thị Thảo	Nguyên	15/06/1999	31	
23	Lê Thị Thanh	Nguyên	07/10/1988	25	
24	Lê Thị Ái	Nguyên	01/01/1985	31	
25	Nguyễn Thị	Nhân	22/10/1984	30	
26	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	16/06/1997	30	
27	Thái Huỳnh	Như	04/09/1994	30	
28	Trang Thị Tiếc	Nhung	23/10/1989	32	
29	Nguyễn Hồ Mai	Quỳnh	04/06/1988	28	



30	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	02/01/1979	21	
31	Nguyễn Thị Mộng	Thi	10/04/1993	30	
32	Nguyễn Thị Bích	Thủy	30/01/1993	28	
33	Tổng Thị Bích	Tiền	29/07/1987	29	
34	Đào Thị Bảo	Trân	28/06/2001	32	
35	Nguyễn Thị Quế	Trân	15/09/1999	30	
36	Huỳnh Thị Huyền	Trân	10/05/1987	33	
37	Đinh Thị	Trang	22/08/1999	30	
38	Trương Ngọc Huyền	Trang	15/04/1988	29	
39	Đỗ Thị Diệu	Trinh	25/03/1995	33	
40	Hồ Thanh	Trúc	17/02/1986	31	
41	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	08/08/1984	30	
42	Đồng Sơn	Tuyền	15/08/1994	31	
43	Trần Thị Mỹ	Tuyền	08/12/1997	32	
Danh sách này gồm có 43 (bốn mươi ba) thí sinh./.					

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hồ Văn Thống
HIỆU TRƯỞNG

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025**

Ngành: Giáo dục học (Giáo dục Chính trị)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Phạm Văn Đậm	02/11/1973	27	
2	Mai Văn Tấn	25/09/2000	28	
3	Nguyễn Thị Ngọc	24/04/1997	27	
4	Nguyễn Hồng	08/04/1991	29	
5	Lư Hải	09/10/1995	27	
6	Đặng Trung	21/04/1985	27	
7	Lê Thị	11/04/1997	27	
8	Võ Thị Trúc	18/04/1989	27	
9	Bạch Văn	17/12/1983	31	
10	Nguyễn Thị Kim	02/05/1989	27	
11	Trần Hữu	03/07/1991	25	
12	Nguyễn Thị Huỳnh	26/01/1997	27	
13	Đỗ Thành	06/09/1989	32	
14	Nguyễn Phước	21/05/2000	28	
15	Đặng Thanh	10/08/1982	25	
16	Dương Mộng Như	25/09/2002	27	
Danh sách này gồm có 16 (mười sáu) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hồ Văn Thống
HIỆU TRƯỞNG

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Lê Ngọc Ân	01/10/1983	31	
2	Lương Thị Biền	11/01/1990	32	
3	Võ Văn Bình	12/09/1986	30	
4	Nguyễn Duy Vũ	25/07/1978	31	
5	Nguyễn Minh Duy	11/03/1997	31	
6	Phạm Quốc Đoàn	22/03/1984	30	
7	Lê Văn Đức	01/02/1985	29	
8	Lê Nguyễn Thanh Hoàng	26/10/1989	30	
9	Nguyễn Ngọc Khai	21/06/1991	20	
10	Nguyễn Thị Huỳnh Kim	17/09/1999	32	
11	Nguyễn Thị Lài	13/05/1990	31	
12	Đồng Nhật Linh	10/05/1989	31	
13	Lê Thành Lợi	02/01/2000	33	
14	Phí Thị Hằng Nga	24/03/1988	32	
15	Nguyễn Văn Ngoãn	04/11/1985	31	
16	Lê Quang Nguyễn	08/05/1987	26	
17	Trần Văn Non	24/04/1984	21	
18	Phan Văn Quí	30/12/1988	29	
19	Đinh Văn Tâm	02/09/1986	30	
20	Văng Quốc Trung	27/11/1989	32	
21	Danh Trường	02/05/1987	30	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
22	Trần Dương Tuấn	04/07/1984	27	
23	Châu Thị Khánh Vân	07/02/1984	26	
Danh sách này gồm có 23 (hai mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


Nguyễn Hoàng Anh



Hồ Văn Thống
HIỆU TRƯỞNG

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025**

Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Hà Mộng Như	Anh	15/08/1996	32	
2	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/03/1999	32	
3	Bùi Quốc	Bảo	23/02/2001	32	
4	Phạm Nguyễn Ngọc	Bích	18/07/1978	31	
5	Lương Văn	Cần	27/01/1998	31	
6	Hà Mộng Như	Chi	20/12/1997	32	
7	Nguyễn	Cư	28/12/1979	33	
8	Võ Nam	Du	07/11/1993	37	
9	Nguyễn Hoàng	Duy	26/10/2002	32	
10	Ngô Thảo	Duyên	07/12/2001	32	
11	Võ Thị Mỹ	Duyên	20/08/1987	33	
12	Lê Thị Anh	Đào	02/10/1985	24	
13	Dương Thị Hồng	Gấm	12/07/1983	32	
14	Bùi Thị Trúc	Hà	29/04/1998	33	
15	Trương Hoàng	Hải	04/09/1993	32	
16	Trần Thị	Hằng	06/06/1983	31	
17	Nguyễn Thị	Huệ	10/12/1992	33	
18	Phạm Nhựt	Khoa	01/06/1998	31	
19	Võ Thuỳ	Liên	15/03/1998	30	
20	Phạm Thị Ngọc	Linh	26/10/1995	33	
21	Trần Công	Minh	27/10/1988	30	
22	Phạm Kiều Bảo	Ngân	02/10/1998	33	
23	Nguyễn Thị	Nghị	21/08/1987	31	
24	Võ Thị Yên	Nhi	16/04/1996	33	
25	Lê Thị Kim	Phương	19/05/1983	34	
26	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	13/05/2001	36	
27	Sầm Tấn	Son	24/07/1992	31	
28	Lê Chí	Tâm	15/04/1995	29	
29	Võ Thanh	Tâm	22/09/1997	24	



TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
30	Phạm Nguyễn Thanh	Thảo	15/07/2002	29	
31	Nguyễn Yến	Thy	12/06/1995	28	
32	Nguyễn Văn	Vũ	05/05/1987	28	
33	Đặng Minh	Đạt	26/06/1978	31	
34	Nguyễn Ngọc Khánh	Duy	19/07/2002	33	
35	Trần Nhật	Duy	28/06/1999	34	
36	Võ Thị Trúc	Giang	13/09/2002	34	
37	Nguyễn Ngọc	Hà	19/12/1989	27	
38	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	11/04/2002	32	
39	Trần Đình Thị Ngọc	Hiền	03/09/2002	33	
40	Nguyễn Minh	Huệ	25/02/1978	34	
41	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	08/04/1994	32	
42	Lâm Bá Tuấn	Khang	12/11/1999	34	
43	Nguyễn Văn	Lễ	01/01/1986	31	
44	Nguyễn Ngọc	Linh	01/01/1992	37	
45	Trần Nhật	Linh	10/06/1979	31	
46	Huỳnh Nguyễn Thanh	Loan	11/04/1989	30	
47	Lê Thị Tố	Mai	06/03/2001	34	
48	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/02/1982	27	
49	Lê Văn	Nguyên	01/01/1987	36	
50	Nguyễn Văn	Nhân	29/05/1980	33	
51	Huỳnh Ngọc Thảo	Nhung	09/07/1991	33	
52	Nguyễn Minh	Nhựt	18/06/1997	29	
53	Ngô Thị Hồng	Phượng	10/01/1989	33	
54	Nguyễn Khánh Ngân	Quỳnh	15/10/2001	32	
55	Nguyễn Thanh	Son	23/01/1982	31	
56	Phạm Ngọc	Tài	08/07/1986	33	
57	Đặng Huỳnh Thanh	Thảo	25/11/1988	31	
58	Lê Văn	Thuận	13/12/1989	33	
59	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Trân	22/09/1996	33	
60	Phạm Ngọc Bảo	Trân	16/06/1989	32	
61	Nguyễn Thị Kim	Trang	29/11/1992	32	
62	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	25/08/2000	35	
63	Phan Thành	Trung	14/08/1979	32	
64	Võ Thành	Trung	23/10/1982	34	
65	Phạm Thị Thu	Vân	05/09/1983	33	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
66	Nguyễn Cao Tường Vi	11/05/1989	31	
67	Nguyễn Thảo Vy	27/11/2003	32	
68	Nguyễn Thị Hồng Yên	13/11/2003	33	
69	Lê Văn An	16/10/1986	35	
70	Nguyễn Lan Anh	08/01/1982	32	
71	Lý Hồng Diễm	10/01/1979	30	
72	Nguyễn Thanh Hòa	04/10/1988	25	
73	Nguyễn Thu Huyền	05/09/2002	33	
74	Phạm Thị Quỳnh Như	24/01/1997	33	
75	Võ Thị Hồng Nhung	19/11/1981	30	
76	Cao Thành Phúc	03/06/1996	33	
77	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	01/01/1988	29	
78	Nguyễn Thị Nguyên Thảo	18/09/2000	33	
79	Trần Thị Thanh Thảo	09/11/1979	30	
80	Vũ Thị Thu Thúy	29/04/1980	30	
81	Nguyễn Văn Tiến	18/09/1988	34	
82	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	32	
83	Võ Nguyễn Thảo Vy	23/02/2001	30	
Danh sách này gồm có 83 (tám mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025**

Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng	Anh	12/01/1997	33	
2	Phan Thị Bích	Chi	10/02/1977	27	
3	Bùi Thị Yến	Cơ	25/10/2000	32	
4	Phạm Huy	Cường	31/01/1975	25	
5	Võ Thị Ngọc	Dung	20/07/1999	27	
6	Võ Thị Hồng	Diệp	07/07/1991	31	
7	Nguyễn Văn	Định	21/03/1969	25	
8	Hoàng Hồng	Hạnh	04/12/1997	33	
9	Võ Ngọc	Hạnh	04/10/1991	28	
10	Trần Văn	Hiếu	25/12/1969	30	
11	Dương Thị Ngọc	Hường	17/06/1991	29	
12	Phan Thị Thúy	Kiều	18/01/1999	32	
13	Hồ Thị Mộng	Kim	09/03/1987	32	
14	Nguyễn Cao	Kỳ	03/06/1993	29	
15	Hồ Thu Cẩm	Linh	13/09/1991	33	
16	Trần Minh	Mẫn	29/12/2000	29	
17	Võ Văn Bé	Năm	25/09/1979	31	
18	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/07/1994	28	
19	Lê Thị Tiết	Ngọc	26/05/1993	31	
20	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	13/01/1999	28	
21	Lê Phan Mỹ	Ngọc	14/05/2000	33	
22	Châu Oai	Ngựa	25/04/1992	32	
23	Trần Dương Minh	Như	02/12/1999	33	
24	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/06/1981	26	
25	Vũ Thị Hoàng	Oanh	11/01/1991	24	
26	Trần Thị Kim	Phi	30/08/1988	32	
27	Trần Thanh	Phúc	25/11/1999	33	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
28	Trần Huỳnh Lan Phương	25/05/1999	30	
29	Nguyễn Hữu Thắng	05/06/1976	27	
30	Võ Thị Anh Thư	10/07/1995	30	
31	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/03/1991	29	
32	Nguyễn Thị Kim Tiên	27/05/1975	28	
33	Trần Thị Tím	24/05/1994	31	
34	Lê Bảo Trâm	26/05/2001	31	
35	Lê Thị Thiên Trang	06/10/1990	29	
36	Huỳnh Thị Thanh Trúc	24/08/2001	32	
37	Nguyễn Thị Thảo Uyên	21/05/1989	31	
38	Trần Lê Khánh Uyên	05/03/1999	30	
39	Phạm Hồng Xiêm	23/12/1988	32	
40	Trần Lê Xuân	01/11/1993	32	
41	Phạm Lê Hải Yến	05/09/2002	30	
42	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	06/04/2002	31	
43	Trần Thị Bền	01/01/1987	33	
44	Đặng Quốc Chí	21/08/1993	25	
45	Đỗ Phát Đạt	30/10/2002	33	
46	Nguyễn Duy	24/10/2002	33	
47	Nguyễn Thị Hồng Gấm	08/05/1991	32	
48	Võ Thị Hồng Gấm	01/07/1994	32	
49	Nguyễn Chí Hải	30/03/1990	31	
50	Hình Gia Hân	31/03/1999	30	
51	Trần Thị Hồng Hạnh	05/11/1987	34	
52	Nguyễn Ngọc Hiếu	23/08/1985	20	
53	Trần Thị Diễm Hương	02/05/1999	32	
54	Nguyễn Trần Khánh Huyền	21/07/2002	32	
55	Trần Ngọc Kim Khuê	09/01/2002	33	
56	Lê Thị Diễm Kiều	28/11/1991	30	
57	Lê Thuý Kiều	20/06/1986	33	
58	Nguyễn Thị Yến Linh	16/08/1999	29	
59	Nguyễn Thị Kim Loan	27/03/2001	33	
60	Đỗ Thị Trúc Ly	23/06/1992	25	
61	Bùi Minh Thiên Lý	22/02/2002	32	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
62	Nguyễn Thị Trúc Mai	15/01/1988	31	
63	Nguyễn Huỳnh Minh Mẫn	08/01/1997	34	
64	Huỳnh Thị Thu Ngân	09/02/1991	30	
65	Trần Thị Mai Ngân	16/11/1997	32	
66	Võ Hoàng Ngân	08/11/1993	29	
67	Ngô Thế Nhân	22/03/1992	32	
68	Trịnh Nguyễn Yến Nhi	03/07/1999	30	
69	Dương Nhất Như	02/03/2002	33	
70	Lê Hoàng Oanh	23/02/2001	33	
71	Lê Kim Phụng	30/12/1995	31	
72	Lương Thị Trúc Quyên	25/09/1996	32	
73	Danh Thị Diệu Tâm	23/11/2001	31	
74	Huỳnh Hữu Tâm	25/11/1993	29	
75	Trần Văn Minh Tân	25/07/1996	32	
76	Nguyễn Thị Thanh Thư	06/04/2000	32	
77	Phan Anh Thư	29/06/1997	25	
78	Quang Thị Anh Thư	25/12/1995	30	
79	Tạ Lê Khả Thư	15/04/1997	32	
80	Đặng Văn Thương	28/06/1975	23	
81	Nguyễn Thị Thuý	26/10/1988	32	
82	Tiêu Ngọc Thuý	05/09/2000	27	
83	Hồ Bích Thuý	28/02/2002	32	
84	Ngô Hữu Toàn	12/06/2001	31	
85	Bùi Thị Huyền Trân	25/06/1991	33	
86	Nguyễn Thị Thuý Trang	09/08/1994	26	
87	Trần Thị Trang	16/02/1990	30	
88	Trần Thị Thy Trang	23/03/1991	30	
89	Trần Ngọc Mai Trinh	07/01/1992	32	
90	Trịnh Trần Yên Trinh	09/02/1998	34	
91	Nguyễn Thanh Trúc	05/04/1990	32	
92	Nguyễn Thanh Trúc	13/07/1991	34	
93	Lê Anh Tuấn	22/08/1976	29	
94	Nguyễn Lê Phương Uyên	05/09/2002	29	
95	Nguyễn Thị Kiều Vân	25/05/1998	32	

VA
NG
ĐC
IP
04

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
96	Phạm Đoàn Hải Vân	27/04/2001	31	
97	Phan Thị Thuỳ Vân	10/01/1990	30	
98	Lê Thị Thuý Vi	15/07/1995	32	
Danh sách này gồm có 98 (chín mươi tám) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống



KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Tú	Cầm	26/11/1996	32	
2	Huỳnh Nguyễn Hải	Đăng	15/10/2002	31	
3	Lương Văn	Đầu	01/01/1980	20	
4	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	03/04/1990	30	
5	Võ Thành	Gool	06/02/1988	33	
6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/06/1986	29	
7	Trần Thanh	Hiền	17/12/1992	33	
8	Nguyễn Trọng	Hiếu	27/03/1991	28	
9	Trịnh Trung	Hưng	27/09/1988	30	
10	Lâm Duy	Khanh	19/11/1989	34	
11	Trần Thị Thuý	Kiều	30/06/1986	29	
12	Phạm Thị Thảo	Linh	09/12/1987	32	
13	Trần Thị Trúc	Linh	16/05/1997	29	
14	Võ Minh	Luân	07/04/1990	29	
15	Bùi Minh	Mẫn	27/11/1992	27	
16	Đặng Thuý	Nga	05/11/1997	22	
17	Nguyễn Thị Hồng	Nga	15/01/1997	30	
18	Đỗ Thị Kim	Nguyên	20/01/1989	32	
19	Mai Thị Yến	Nhi	02/12/2001	30	
20	Phan Văn	Nhiên	01/10/1995	20	
21	Đồng Thị Huyền	Như	01/01/1998	32	
22	Trương Thị Huỳnh	Như	18/03/1997	33	
23	Phan Thị Trúc	Phương	30/04/1997	28	
24	Nguyễn Minh	Quân	02/01/1997	29	
25	Nguyễn Hữu	Tài	26/02/1995	34	
26	Nguyễn Phương	Thảo	29/06/2002	31	
27	Nguyễn Hoàng	Thương	01/01/1984	23	
28	Võ Thuý	Tiên	13/03/2000	33	
29	Trần Thị Minh	Trang	27/07/1997	29	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
30	Nguyễn Thị Phương Vy	09/04/1998	29	
31	Hồ Thị Thanh Xuân	10/12/1990	31	
32	Trần Thị Kim Xuân	07/08/1997	29	
33	Huỳnh Ngọc Thảo Xuyên	25/07/1985	30	
Danh sách này gồm có 33 (ba mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025
Ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Trường	An	23/05/1988	33	
2	Nguyễn Tâm	Ân	06/03/1995	31	
3	Trần Thị	Diễm	09/04/1991	30	
4	Phạm Ngọc	Dung	02/02/1994	32	
5	Trần Thị	Định	19/08/1986	31	
6	Đàm Thị Cẩm	Giang	18/04/1992	29	
7	Võ Thuý	Kiều	04/10/1988	32	
8	Nguyễn Thị	Lil	07/01/1995	30	
9	Cao Thị Mộng	Linh	12/05/1987	32	
10	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/09/1982	26	
11	Trần Thị	Loan	06/05/1990	32	
12	Phan Thị Kim	Ngân	15/10/2000	29	
13	Nguyễn Thanh	Nhân	14/03/1999	26	
14	Võ Thị Thảo	Nhi	17/08/2000	27	
15	Nguyễn Thị Hồng	Phước	27/03/1990	31	
16	Nguyễn Thị Kim	Quy	11/03/1992	30	
17	Huỳnh Thị Kim	Thắm	06/11/1992	33	
18	Nguyễn Thị	Thắm	15/06/1985	27	
19	Trần Minh	Thới	17/06/1988	30	
20	Lê Thị Minh	Thuý	05/08/1995	33	
21	Huỳnh Thị Minh	Thuý	22/04/1984	26	
22	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/11/1982	26	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
23	Võ Mỹ Uyên	27/07/2003	31	
Danh sách này gồm có 23 (hai mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thông

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Quản lý kinh tế

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Lê Trần	Ân	13/05/2001	32	
2	Phạm Minh	Anh	01/02/1998	30	
3	Trang Mỹ	Chi	23/11/1983	30	
4	Nguyễn Ngọc	Diễm	17/05/1995	34	
5	Hồ Việt	Đức	24/03/1997	31	
6	Phạm Mai	Duy	04/10/1991	31	
7	Nguyễn Ngọc	Giàu	08/03/1984	30	
8	Trịnh Thuý	Giàu	14/09/1993	30	
9	Nguyễn Thanh	Giúp	21/07/1987	29	
10	Nguyễn Đỗ Việt	Hà	07/12/1998	33	
11	Nguyễn Thanh	Hải	28/09/1981	28	
12	Trần Thị Ngọc	Hân	24/12/1989	29	
13	Trần Thị	Hậu	16/12/1990	32	
14	Lê Huy	Hiền	19/08/2000	29	
15	Lê Thị Thuý	Hồng	27/04/1991	29	
16	Nguyễn Thị Diễm	Hương	25/09/1990	31	
17	Nguyễn Khánh	Linh	17/10/1999	32	
18	Trần Duy	Linh	26/11/2001	32	
19	Trương Hà	Linh	25/08/2001	35	
20	Lê Thị Thuý	Loan	10/09/1988	33	
21	Phạm Văn	Ngoan	06/08/1988	32	
22	Đoàn Lê Vân	Ngọc	08/04/2002	30	
23	Nguyễn Thị Ái	Ngọc	17/01/1987	29	
24	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	15/08/1997	27	
25	Trần Thị Ý	Nhi	11/04/2002	31	
26	Võ Thị Hồng	Nhi	12/02/1995	28	
27	Đào Thị Thuý	Oanh	17/10/1993	29	
28	Lại Thị Kim	Phi	21/09/1988	31	
29	Phạm Thiên	Phúc	27/09/1997	30	
30	Nguyễn Thị Trúc	Phương	03/03/1989	31	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
31	Phan Công Quốc	21/07/1992	28	
32	Đặng Như Quỳnh	05/11/1991	27	
33	Hồ Minh Thái	17/01/1992	32	
34	Lê Nhựt Thanh	30/03/1994	31	
35	Phan Minh Anh Thư	25/03/1982	28	
36	Tô Thị Lâm Thư	13/04/1997	30	
37	Lê Thanh Thuận	22/10/1985	29	
38	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/11/1987	32	
39	Nguyễn Tố Thy	18/01/2003	37	
40	Lê Văn Tiên	12/07/1989	30	
41	Nguyễn Kim Toàn	21/08/1985	28	
42	Nguyễn Lê Trân	14/02/1989	32	
43	Nguyễn Ngô Ái Trinh	31/07/1991	32	
44	Nguyễn Thị Kim Tuyền	01/11/2000	34	
45	Ngũ Thị Tường Vân	20/10/1998	34	
46	Trần Tri Văn	13/01/1996	29	
47	Phạm Ngọc Khánh Vy	02/07/2000	30	
Danh sách này gồm có 47 (bốn mươi bảy) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Hóa lý thuyết và Hóa lý

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hương	16/02/1982	28	
2	Nguyễn Xuân Lập	21/02/1990	31	
3	Thái Minh Ngọc	22/01/2000	30	
4	Nguyễn Thị Kim Ngọc	28/02/2001	33	
5	Nguyễn Duy Phong	01/01/1981	20,5	
6	Lê Thái Phương	01/01/1980	17	
7	Nguyễn Văn Phương	26/10/1979	29	
8	Phạm Thị Phương	19/09/1996	30	
9	Danh Riêng	01/01/1979	18	
10	Nguyễn Thiện Toàn	09/01/1995	34	

Danh sách này gồm có 10 (mười) thí sinh./.

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG


Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025

Ngành: Khoa học máy tính

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Ân	09/09/1988	27	
2	Nguyễn Thành Bảo	15/12/1982	25	
3	Đào Thanh Bình	02/11/1999	26	
4	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	13/03/1978	28	
5	Võ Thị Hoàng Diễm	20/07/1989	27	
6	Đồng Thanh Giang	01/07/1988	28	
7	Trương Thị Ngọc Hân	30/09/1991	29	
8	Võ Thị Tố Hoàng	11/05/1980	27	
9	Võ Hoàng Huy	11/25/1988	34	
10	Đỗ Đăng Khoa	09/11/2002	31	
11	Lương Thị Phương Linh	05/03/1991	30	
12	Trang Thị Kiều Nga	23/02/1990	30	
13	Trần Huỳnh Thanh Nghị	16/06/1987	28	
14	Phạm Thị Ngọc Ngoan	05/01/1988	32	
15	Nguyễn Tấn Ngọc	10/07/2000	29	
16	Trương Cẩm Nhung	16/02/1990	29	
17	Nguyễn Như Quỳnh	26/09/1988	29	
18	Nguyễn Thế Tài	26/11/1991	31	
19	Phạm Hoàng Thật	20/09/1988	30	
20	Nguyễn Thị Bảo Trân	15/11/1983	31	
21	Nguyễn Thuỳ Trang	13/05/1981	30	
22	Trần Tuấn Tú	12/03/1990	31	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
23	Lê Kim Tuyền	02/06/1984	28	
Danh sách này gồm có 23 (hai mươi ba) thí sinh./.				

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống



**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2, NĂM 2025**

Ngành: Toán học

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm trung bình xét hồ sơ	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Trường	An	21/01/1988	32	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Dur	10/02/2002	35	
3	Võ Thị Thuý	Hằng	20/09/1991	35	
4	Bùi Thị Mỹ	Hiền	19/11/1997	33	
5	Lê Thị	Huế	01/01/1982	35	
6	Huỳnh Tấn	Huy	31/07/2002	35	
7	Huỳnh Ngọc	Minh	11/01/1980	33	
8	Trần Thị Trang	Nhã	18/09/2002	33	
9	Lương Thị Kiều	Oanh	15/07/2002	34	
10	Lý Đỗ Mai	Phuong	11/12/1989	33	
11	Nguyễn Minh	Phuong	19/11/1989	36	
12	Phan Ngọc	Quý	19/02/1987	32	
13	Nguyễn Long	Tân	17/10/1989	31	
14	Nguyễn Mạnh	Tôn	28/08/1994	34	
15	Nguyễn Minh	Trí	02/12/1991	31	
16	Nguyễn Hoàng	Trọng	04/06/1988	30	
17	Đặng Thành	Vĩnh	08/10/1988	32	
18	Trần Hoàng	Xuyên	09/09/1990	35	
19	Nguyễn Thị	Chung	15/10/1982	33	
20	Nguyễn Phúc	Đức	01/02/1981	29	
21	Nguyễn Ngọc	Huệ	22/02/1997	33	
22	Trịnh Thị Ngọc	Huệ	01/09/1983	34	
23	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/11/1989	32	
24	Nguyễn Trần Thành	Huy	12/12/1997	31	
25	Tạ Tự	Khải	18/05/1984	31	
26	Mai Trúc	Lâm	07/11/1996	32	
27	Nguyễn Xuân	Lộc	20/11/1997	32	
28	Trương Hiệp Tố	Nga	17/01/1994	32	



29	Hoàng Thị Kim	Ngân	14/12/1997	34	
30	Phạm Thị Thuỳ	Nghĩa	23/02/1993	30	
31	Đinh Thái	Như	05/09/1982	31	
32	Nguyễn Hoàng Quyên	Quyên	19/03/1995	34	
33	Trần Hoàng	Thạch	25/09/1995	30	
34	Nguyễn Chí	Thanh	07/05/1984	29	
35	Trần Trang	Thanh	09/02/1997	32	
36	Trịnh Thị Phương	Thảo	22/02/1997	30	
37	Nguyễn Sĩ	Thọ	28/04/1994	34	
38	Đặng Thanh	Tĩnh	15/09/1984	29	
39	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	17/07/1989	30	
40	Huỳnh Dủ	Xôn	02/07/1981	35	
41	Nguyễn Thị Như	Ý	08/10/1999	31	
42	Nguyễn Thị Tiểu	Yến	27/12/1997	33	
Danh sách này gồm có 42 (bốn mươi hai) thí sinh./.					

Ghi chú: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm bằng nhau, đã cộng điểm ưu tiên (nếu có), thì xác định người trúng tuyển theo khoản 5, Điều 23 của Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống